

TỜ TRÌNH

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 3 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

I. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm:

1. Chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

2. Quy định mức hỗ trợ thường xuyên đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 quy định nội dung, mức chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội.

5. Quy định về mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

6. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

7. Quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.

8. Quy định nội dung, mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.

9. Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

10. Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

11. Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao do thành phố Hà Nội tổ chức

II. Nguyên tắc chung xây dựng nội dung, mức chi

1. Các cơ chế, nội dung, mức chi phù hợp với yêu cầu thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách các cấp.

2. Các cơ chế, nội dung, mức chi được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định.

Căn cứ điểm g, h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, HĐND cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ; Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên.*

(Nguyên tắc cụ thể của từng quy định theo Tờ trình của các Sở gửi kèm)

III. Quy định cụ thể một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội.

1.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Hiện tại, thành phố Hà Nội có 175 phường, trong đó: Phường loại 1: 150, loại 2: 24, loại 3: 01 thuộc 13 quận, thị xã.

Trước khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tổng số Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường là 3.535 người, trong đó: Chủ tịch HĐND: 172, Phó Chủ tịch HĐND: 116, Chủ tịch UBND: 168, Phó Chủ tịch UBND: 331, cán bộ khác: 831; công chức: 1.917.

Đến 01/7/2021, thời điểm mô hình chính quyền đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội đi vào hoạt động, các quận và thị xã Sơn Tây đã bố trí các chức danh Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND; bổ nhiệm Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND và các công chức phường. Tổng số người nghỉ công tác, chuyển công tác là: 58 người, trong đó:

nghỉ công tác do dôi dư khi không tổ chức HĐND phường, do không được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch UBND, không đủ điều kiện để bổ nhiệm hoặc chuyển thành công chức phường là: 25 người (Chủ tịch HĐND 12; Phó Chủ tịch HĐND: 12; Phó Chủ tịch UBND: 01); số người nghỉ hưu đúng tuổi, chuyển công tác hoặc nghỉ thôi việc do nguyện vọng cá nhân là 33 người.

Căn cứ Khoản 1, 2, 3 Điều 31 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, quy định:

“1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách đối với:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường;

b) Các trường hợp đang là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nhưng không được bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường khi thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội và Nghị định này.

2. Cán bộ cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này và công chức phường khi không được chuyển thành công chức thì thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội các cấp; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và các quy định khác có liên quan.

3. Ngoài những chế độ, chính sách quy định khoản 2 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, UBND thành phố Hà Nội trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức ở phường thuộc diện giải quyết chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”

Căn cứ nội dung trên và đề động viên cán bộ, công chức phường phải nghỉ công tác, việc UBND Thành phố trình HĐND thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết về chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị trên địa bàn Thành phố là cần thiết.

1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng:

*** Đối tượng hỗ trợ**

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND phường nghỉ công tác do thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND phường và không được bố trí sang các chức danh cán bộ, công chức khác;

- Các trường hợp đang là Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường nhưng không đủ điều kiện để bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và không được bố trí sang các chức danh cán bộ, công chức khác;

- Công chức phường không đủ điều kiện chuyển thành công chức thuộc biên chế công chức do UBND quận, thị xã quản lý.

* Thời điểm nghỉ công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, công chức phường do thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị từ khi Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ có hiệu lực đến ngày 01/7/2021 (thời điểm bắt đầu thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị).

1.3. Đề xuất cụ thể

Trên cơ sở vận dụng quy định tại Khoản 4 Điều 1 (*được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng*) Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế; Áp dụng tương tự chế độ hỗ trợ đối với người nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố: *“Cán bộ, công chức cấp xã và viên chức nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng/người”*.

Ngoài các chế độ, chính sách của Chính phủ đối với Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015; Chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020; Chế độ thôi việc đối với công chức quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ.

UBND Thành phố trình HĐND Thành phố mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 03 tháng lương hiện hưởng/người đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND phường; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường không đủ điều kiện để

bổ nhiệm; công chức phường không được chuyển thành công chức thuộc biên chế quận, thị xã phải nghỉ công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị. Mức lương hiện hưởng bao gồm: lương theo hệ số, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

1.4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn thực hiện cải cách tiền lương của ngân sách quận, thị xã.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: 450 triệu đồng

(Chi tiết tại Tờ trình số 3169/TTr-SNV ngày 01/11/2021 của Sở Nội vụ)

2. Quy định mức hỗ trợ thường xuyên đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Tính đến ngày 20/8/2021, có 30/30 quận, huyện, thị xã đã đảm bảo thành lập Đội dân phòng tại các thôn, tổ dân phố theo đúng quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của các Đội dân phòng tại các thôn, tổ dân phố chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế công tác PCCC&CNCH *(hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, tuổi đời cao, yếu về chuyên môn nghiệp vụ PCCC&CNCH; chưa được trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC&CNCH đảm bảo theo quy định; Thành phố chưa có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và chế độ, chính sách đối với cán bộ, đội viên Đội Dân phòng khi tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH cũng như trong công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nên chưa thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia)*.

Ngày 24/11/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy. Tại khoản 2 Điều 34 của Nghị định quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng, theo đó: *“Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; mức hỗ trợ căn cứ điều kiện thực tế của từng địa phương nhưng không thấp hơn 15% lương tối thiểu vùng”*.

Tuy nhiên, hiện nay thành phố Hà Nội chưa có văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể về mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng và chế độ, chính sách đối với cán bộ, đội viên Đội Dân phòng. Tại một số địa phương, lực lượng bảo vệ dân phố *(kiêm nhiệm nhiệm vụ của lực lượng dân phòng, dân quân tự vệ)* được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng do

Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả, còn lại hầu hết lực lượng dân phòng không được hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

Để củng cố, nâng cao chất lượng, hoạt động của lực lượng dân phòng và phát huy hiệu quả trong công tác PCCC&CNCH theo phương châm “4 tại chỗ” thì việc xây dựng Nghị quyết “*Quy định mức hỗ trợ thường xuyên cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội*” là thực sự cần thiết.

2.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ thường xuyên đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; lực lượng dân phòng trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.3. Đề xuất cụ thể

Mức chi hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng như sau:

- Mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội trưởng Đội dân phòng là 30% lương tối thiểu vùng (1.176.000 đồng đối với 24 quận, huyện, thị xã có mức lương tối thiểu vùng I; 1.326.000 đồng đối với 06 huyện có mức lương tối thiểu vùng II).

- Mức hỗ trợ thường xuyên cho chức danh Đội phó Đội dân phòng là 25% lương tối thiểu vùng (980.000 đồng đối với 24 quận, huyện, thị xã có mức lương tối thiểu vùng I; 1.105.000 đồng đối với 06 huyện có mức lương tối thiểu vùng II).

2.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách quận, thị xã đảm bảo đối với lực lượng dân phòng tại các tổ dân phố; Ngân sách xã, thị trấn đảm bảo đối với lực lượng dân phòng tại các thôn.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Kinh phí hỗ trợ cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng hàng năm trong khoảng từ 153.559 triệu đồng đến 223.359 triệu đồng.

(Chi tiết tại Tờ trình số 539/TTr-CAHN-PC07 ngày 15/9/2021 của Công an thành phố Hà Nội)

3. Chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

3.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thành phố Hà Nội có diện tích tự nhiên 3.329 km², theo báo cáo của Tổng

cục Thống kê, đến ngày 01/4/2019 tổng dân số Thành phố là 8.053.663 người, trong đó người dân tộc thiểu số có 107.847 người thuộc 50/53 thành phần dân tộc thiểu số (DTTS) toàn quốc.

Theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025, thành phố Hà Nội chỉ còn 119 thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi. Như vậy, số người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 sẽ chỉ còn 119 người (giảm 10 người so với hiện nay).

Qua 10 năm triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011-2021, UBND Thành phố đã quan tâm và kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương phối hợp chặt chẽ thực hiện đầy đủ chính sách đối với người có uy tín và nâng cao hiệu quả hoạt động của người có uy tín tại các địa phương. Tăng cường sự lãnh đạo, định hướng nội dung hoạt động; quan tâm bồi dưỡng, bố trí, sử dụng và giao nhiệm vụ phù hợp để người có uy tín phát huy vai trò của mình trong cộng đồng; tạo cơ chế động viên, khuyến khích người có uy tín tham gia các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chính sách dân tộc ở địa phương. Các cấp, các ngành đã quan tâm người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số về đời sống vật chất và tinh thần; kịp thời tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết cổ truyền của dân tộc, Tết của đồng bào DTTS, người có uy tín khi ốm đau phải điều trị tại bệnh viện; cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc, các loại báo, tạp chí và tổ chức các lớp tập huấn, thăm quan học tập kinh nghiệm cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, sự hỗ trợ nêu trên là rất nhỏ so với sự đóng góp của người có uy tín.

Thực tế đã khẳng định, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số là lực lượng nòng cốt, là cầu nối quan trọng giữa cấp ủy, chính quyền với nhân dân, có nhiều đóng góp tích cực trong phong trào thi đua yêu nước và vận động đồng bào các dân tộc chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là chủ trương, chính sách về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc và đại đoàn kết các dân tộc; vận động, hướng dẫn đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói giảm nghèo; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi, làm giàu chính đáng, đoàn kết vượt khó, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, phòng chống các tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Với đặc điểm địa bàn vùng DTTS rất rộng, vùng đồi núi đi lại khó khăn, nhất là trong những mùa mưa bão nhưng người có uy tín luôn cố gắng đi tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đặc biệt các thế lực thù địch, chống phá Nhà nước luôn tìm cách tiếp cận, tuyên truyền đồng bào DTTS chống phá Nhà nước.

Qua tham khảo thực tế một số tỉnh cũng đã ban hành quy định về chế độ hỗ trợ cho người có uy tín ngoài sự hỗ trợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (UBND tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Quảng Ngãi).

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thật sự rất cần thiết tạo điều kiện cho người có uy tín thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao.

3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thành phố Hà Nội

b. Đối tượng áp dụng

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

3.3. Đề xuất cụ thể

Ngoài các chính sách được quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thành phố Hà Nội được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng như sau: Mức hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số bằng 50% mức lương cơ sở/người/tháng.

Mức lương cơ sở được áp dụng thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

3.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện:

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

b. Kinh phí dự kiến thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện hàng năm khoảng 1.064 triệu đồng.

(Chi tiết tại Tờ trình số 25/TTr-BDT ngày 26/11/2021 của Ban Dân tộc)

4. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 quy định nội dung, mức chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội.

4.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Năm 2019, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 trong đó Phụ lục 06 Quy định nội dung chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội.

Sau hơn 01 năm thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019, UBND Thành phố nhận thấy một số nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND vẫn còn bất cập, chưa bao phủ hết các tình huống phát sinh do các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành trong thời gian gần đây. Vì vậy, trong thời gian qua, công tác thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức đã gặp một số khó khăn, vướng mắc, trong khi đó nhu cầu tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức của Thành phố tiếp tục tăng cao. Trung bình hàng năm, Thành phố tổ chức các kỳ thi (xét) tuyển, nâng ngạch (thăng hạng) cho khoảng gần 10.000 người/năm; cao điểm như năm 2020, đã tổ chức các kỳ thi (xét) cho gần 30.000 người.

Vì vậy, để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND, cần thiết phải xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND “Quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức” của thành phố Hà Nội.

4.2. Đề xuất cụ thể

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung chi và mức chi trong công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội.

4.3. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí thực hiện :

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và nguồn thu được để lại của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện dự kiến khoảng 8.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3212/TTrLS:NV-TC ngày 03/11/2021 của liên sở: Nội vụ - Tài chính)

5. Quy định về mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030, ngày 19/5/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030; trong đó, tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định: “Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình

1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp”.

Vì vậy, việc trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

5.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định mức chi hỗ trợ từ ngân sách thành phố Hà Nội thực hiện Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND Thành phố về việc thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030.

- Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC.

b. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 16/6/2021 của UBND Thành phố về việc thực hiện Chương trình 1322 của thành phố Hà Nội.

5.3. Đề xuất cụ thể

Thủ đô Hà Nội là địa phương có chi phí sinh hoạt cao nhất, nhì cả nước về chi phí sinh hoạt. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030 theo nguyên tắc sau:

- Đối với những nội dung chi tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định mức chi thanh toán theo hóa đơn thực tế: Đề xuất thực hiện theo mức chi quy định của Thông tư.

- Đối với những nội dung chi tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định mức chi áp dụng theo mức chi tại một số văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương: Đề xuất thực hiện theo các quy định của Trung ương và các Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành quy định cụ thể các mức chi theo thẩm quyền

5.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp.

- Nguồn kinh phí của các doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp.
- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí ngân sách thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030 hàng năm khoảng 34 tỷ đồng và trong khả năng cân đối ngân sách.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2104/TTrLS:KH-CN-TC ngày 19/11/2021 của liên sở: Khoa học và Công nghệ - Tài chính)

6. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

6.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, ngày 11/6/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; ngày 09/9/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định về tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trong đó có nội dung: “*Đối với nhiệm vụ do địa phương quản lý, căn cứ vào các công việc có liên quan, điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để thực hiện*”.

Vì vậy, việc UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới để thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

6.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới để thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030.

- Các nội dung khác về quản lý và sử dụng kinh phí; nội dung và mức chi; lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính quy định về tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

b. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

6.3. Đề xuất cụ thể

Thủ đô Hà Nội là địa phương có chi phí sinh hoạt cao nhất, nhì cả nước. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và khả năng cân đối ngân sách; UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 áp bằng mức tối đa Thông tư quy định để thực hiện các nhiệm vụ do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý, cụ thể :

a. Đối với đăng ký bảo hộ trong nước:

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn.

- Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

b. Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

6.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện :

Năm 2022, dự kiến 2.000 triệu đồng. Các năm tiếp theo, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 xây dựng dự toán theo định mức xây dựng dự toán, phân bổ dự toán tại quy định này được đảm bảo từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Thành phố.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2074/TTrLS:KH-CN-TC ngày 16/11/2021 của liên sở: Khoa học và Công nghệ - Tài chính)

7. Quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.

7.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 26/4/2012, liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực; ngày 08/12/2016, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND, trong đó tại phụ lục số 03 Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội.

Ngày 11/8/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 69/2021/TT-BTC (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2021), đồng thời Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT nêu trên hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 69/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành.

Căn cứ điểm g khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, quy định: *"Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ"*;

Căn cứ khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC quy định về mức chi, quy định: *"Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4; khoản 8; điểm b, c, e khoản 9; khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương"*.

Vì vậy, để có cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ do địa phương chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp¹; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết "Quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội" là cần thiết và đúng thẩm quyền.

7.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi: Tốt nghiệp trung học phổ thông; thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10

¹ Theo văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông, quy định: Điều 4 "Tuyển sinh trung học cơ sở theo phương thức xét tuyển. Trường hợp cơ sở giáo dục có số học sinh đăng ký vào học lớp 6 nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh, sở giáo dục và đào tạo hướng dẫn thực hiện phương án tuyển sinh theo phương thức xét tuyển hoặc kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh". Điều 5: Tuyển sinh trung học phổ thông được tổ chức theo một trong ba phương thức sau: a) Xét tuyển: dựa trên kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở trung học cơ sở của đối tượng tuyển sinh, nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó; b) Thi tuyển; c) Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

chuyên trung học phổ thông; thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố, cấp quận, huyện, thị xã; coi thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia của thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội

7.3. Đề xuất cụ thể

7.3.1. Nội dung chi

Thực hiện theo các nội dung chi quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC, quy chế thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố.

7.3.2. Mức chi

7.3.2.1. Đối với nội dung chi tiền công của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8; điểm b, c, e khoản 9 và khoản 10 Điều 8 của Thông tư số 69/2021/TT-BTC:

a. Đối với nội dung chi trong Thông tư số 69/2021/TT-BTC quy định mức chi tối đa, đề xuất mức chi như sau:

- Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm: Mức chi bằng 80% mức chi tối đa;

- Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận:

Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông: Đối với môn chuyên bằng 100%, môn không chuyên bằng 80% mức chi tối đa kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố mức chi bằng 80%; cấp quận, huyện, thị xã bằng 70% mức chi tối đa kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

* Lý do đề xuất: Do có sự khác biệt về quy mô, tính chất của kỳ thi cấp Thành phố và cấp quận, huyện, thị xã so với kỳ thi cấp quốc gia, nên đề xuất các tỷ lệ mức chi nêu trên đảm bảo phù hợp với thực tế.

b. Đối với nội dung chi trong Thông tư số 69/2021/TT-BTC quy định áp dụng theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước (Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH); Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH quy định 04 mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước (theo thứ tự giảm dần từ mức 1, mức 2, mức 3, mức 4), đề xuất mức chi như sau:

- Mức chi bằng 100% mức 4 quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH: Tiền công cho Trưởng Ban chỉ đạo thi cấp tỉnh kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

* Lý do đề xuất: Phù hợp với mức chi các công việc, chức danh đang thực hiện được quy định tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND của HĐND Thành phố và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, đề xuất bằng mức thấp nhất quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.

- Mức chi bằng 80% mức 3 quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH: Tiền công cho người Chủ trì xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi, Chủ trì định cỡ câu trắc nghiệm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm; Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm; Tiền công chấm bài thi tự luận, thi nói, thi thực hành, thi tin học đối với kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố. Mức chi bằng 70% mức 3 quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH: Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm; Tiền công chấm bài thi tự luận, thi nói, thi thực hành, thi tin học đối với kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quận, huyện, thị xã.

* Lý do đề xuất: Do tính chất của công việc yêu cầu đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ chuyên môn sâu, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy để đảm bảo chất lượng trong công tác ra đề, chấm thi; do có sự khác biệt về quy mô, tính chất của kỳ thi cấp Thành phố và cấp quận, huyện, thị xã so với kỳ thi cấp quốc gia, nên đề xuất các tỷ lệ mức chi nêu trên đảm bảo phù hợp với thực tế.

- Mức chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông:

Tiền công cho người Chủ trì bằng mức chi tiền công của Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban ra đề thi (vì người Chủ trì chính là Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban ra đề thi);

Tiền công các thành viên bằng mức chi tiền công của ủy viên Hội đồng/Ban ra đề thi (vì các thành viên chính là ủy viên Hội đồng/Ban ra đề thi).

- Tiền công chấm bài:

Đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông: Mức chi là 504.000 đồng/người/ngày². Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông: bằng 100% đối với môn chuyên, môn không chuyên bằng 80% mức chi tối đa kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Chấm Phúc khảo bài thi tự luận, thi nói, thi thực hành, thi tin học; bài thi trắc nghiệm: Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông và kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố

² Căn cứ số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi hoàn thành trong một ngày trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 là 56 lượt bài. Theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND thì mỗi cán bộ chấm thi một ngày được chi trả là 56 lượt bài x 18.000 đồng/bài : 2 lượt = 504.000 đồng.

bằng 80% mức chi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp quận, huyện, thị xã bằng 70% mức chi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

* Lý do đề xuất: Do có sự khác biệt về quy mô, tính chất của kỳ thi cấp Thành phố và cấp quận, huyện, thị xã so với kỳ thi cấp quốc gia, nên đề xuất các tỷ lệ mức chi nêu trên đảm bảo phù hợp với thực tế.

- Đối với mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban/Hội đồng chưa được quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư số 69/2021/TT-BTC nhưng theo quy chế thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định cụ thể một số chức danh như: Trưởng Điểm thi, Phó trưởng Điểm thi, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, trật tự viên, y tế.... Vì vậy để đảm bảo đúng quy chế thi và tình hình thực tế, đề xuất nội dung chi, mức chi cho các chức danh này bằng mức như các chức danh được quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

Mức chi tiền công cho các thành viên trong các Ban/Hội đồng được điều chỉnh theo tỷ lệ mức chi đang thực hiện.

* Lý do đề xuất: Phù hợp với mức chi các công việc, chức danh đang thực hiện được quy định tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND của HĐND Thành phố và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

- Đối với tổ chức coi thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia: Mức chi bằng mức chi Ban coi thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

* Lý do đề xuất: Do quy mô, tính chất của kỳ thi cùng là kỳ thi cấp quốc gia.

7.3.2.2. Đối với mức chi tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi:

Đối với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 chuyên trung học phổ thông; kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Thành phố: mức chi bằng 80% mức chi quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC. Đối với kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện: mức chi bằng 70% mức chi quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

* Lý do đề xuất: Do có sự khác biệt về quy mô, tính chất của kỳ thi cấp Thành phố và cấp quận, huyện, thị xã so với kỳ thi cấp quốc gia, nên đề xuất các tỷ lệ mức chi nêu trên đảm bảo phù hợp với thực tế.

7.3.2.3. Đối với nội dung khác đã được quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC: Đề xuất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

7.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách nhà nước: Các khoản chi chuẩn bị, tổ chức kỳ thi thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

- Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b. Dự kiến kinh phí thực hiện :

Tổng kinh phí dự kiến 140.000 triệu đồng/năm.

7.5. Tổ chức thực hiện

a. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

b. Các nội dung và mức chi quy định tại Biểu số 01, 02, 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số chính sách, nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân Thành phố có hiệu lực thi hành.

Trong thời gian thực hiện Nghị quyết, trường hợp Trung ương có văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế dẫn tới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố không còn phù hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm báo cáo, trình HĐND Thành phố điều chỉnh theo đúng quy định.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3956/TTrLS:GDĐT-TC ngày 16/11/2021 của liên sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính)

8. Quy định nội dung, mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.

8.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 04/10/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 83/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2021).

Tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 83/2021/TT-BTC quy định: "2. Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, địa phương, các cơ sở giáo dục lập dự toán chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục. 3. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương".

Căn cứ điểm g khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ, quy

định: *"Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ"*.

Để có cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội, việc HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết "Quy định nội dung chi, mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội" là cần thiết và đúng thẩm quyền.

8.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới của thành phố Hà Nội quy định tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Quy định nội dung chi, mức chi tập huấn, bồi dưỡng năng lực triển khai chương trình, sách giáo khoa mới cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội quy định tại Mục III.2.a Điều 1 Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025".

Quy định này không điều chỉnh đối với việc tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục về sách giáo khoa do các nhà xuất bản thực hiện.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC.

b. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập; công chức trong cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của thành phố Hà Nội; giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập (sau đây gọi tắt là học viên), các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

8.3. Đề xuất cụ thể

a. Nội dung chi

Thực hiện theo các nội dung chi quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC.

b. Mức chi

- Đối với những mức chi đã được quy định mức chi cụ thể trong Thông tư số 83/2021/TT-BTC: Đề xuất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC.

- Đối với những nội dung chi trong Thông tư số 83/2021/TT-BTC quy định mức chi áp dụng theo mức chi tại một số văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương: Đề xuất thực hiện theo các quy định của Trung ương và các Nghị quyết của HĐND Thành phố ban hành quy định cụ thể các mức chi theo thẩm quyền.

- Đối với những nội dung chi trong Thông tư số 83/2021/TT-BTC quy định mức tối đa: Đề xuất thực hiện theo mức tối đa quy định tại Thông tư số 83/2021/TT-BTC, gồm nội dung chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên. Thông tư quy định tổng mức chi tiền công tối đa: 2.000.000 đồng/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học), được tính cho tất cả các thành viên trực tiếp tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 1 buổi tập huấn, bồi dưỡng (gồm giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước; tiền công cho nhân viên giám sát, vận hành hệ thống học tập trực tuyến).

Lý do đề xuất: Giảng viên tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đều là giảng viên sư phạm, giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt. Công việc của giảng viên trong các lớp tập huấn này rất phức tạp không chỉ giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các lớp học ảo mà còn nhiều hoạt động khác như hướng dẫn, hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên cốt cán, phê duyệt kế hoạch hỗ trợ giáo viên cốt cán theo mô đun, giám sát và báo cáo việc kết quả thực hiện kế hoạch...theo yêu cầu tập huấn Chương trình giáo dục phổ thông mới. Vì vậy, UBND Thành phố đề xuất áp dụng mức tối đa của Thông tư số 83/2021/TT-BTC.

8.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp.
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các cơ sở giáo dục công lập.
- Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật của các cơ sở giáo dục; đóng góp của học viên.
- Nguồn tài chính hợp pháp của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện :

Dự kiến kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông năm 2022 khoảng 35 tỷ đồng (chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ tiền ăn, nghỉ, đi lại cho học viên trong thời gian tập huấn, bồi dưỡng tập trung, căn cứ kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo giáo viên cốt cán năm 2022 và hình thức bồi dưỡng đối với giáo viên đại trà, sẽ tính toán kinh phí cụ thể đối với nội dung này).

Các năm tiếp theo, căn cứ vào nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế sẽ tính toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3901/TTrLS:GDĐT-TC ngày 12/11/2021 của liên sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính)

9. Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

9.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 19/6/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 63/2017/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; trong đó tại Khoản 1 Điều 3 quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, cụ thể: *“Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã do ngân sách địa phương đảm bảo. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra cấp xã, mức tối thiểu 5 triệu đồng/Ban/năm và cân đối cho ngân sách cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động”*.

Ngày 09/12/2008 HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐND về hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội; trong đó tại Khoản 3 Điều 1 quy định: *Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn được hưởng kinh phí hỗ trợ hoạt động hàng tháng là 600.000 đồng*. UBND Thành phố đã đảm bảo kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn theo mức quy định tại Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐND ngày 09/12/2008 của HĐND Thành phố.

Mức hỗ trợ nêu trên chưa được điều chỉnh qua các năm và hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn. Do đó cần thiết phải đánh giá và điều chỉnh mức chi hỗ trợ theo quy định của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

9.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

9.3. Đề xuất cụ thể

Mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội là 12.000.000 đồng/Ban/năm.

9.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí: Ngân sách quận, thị xã đảm bảo đối với chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường; ngân sách xã, thị trấn đảm bảo đối với chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, thị trấn

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội là 6.948 triệu đồng, tăng so với mức cũ là 2.779 triệu đồng.

(Chi tiết tại Tờ trình số 7402/TTrLN:STC-UBMTTQVNTPHN ngày 24/11/2021 của liên ngành: Sở Tài chính - Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội)

10. Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

10.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

a. Năm 2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính và để phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn thành phố, HĐND thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 quy định nội dung, mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội (Phụ lục 03 Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hà Nội từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông giai đoạn 2019-2020 và quy định một số nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông)

b. Năm 2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính, trong đó, sửa đổi, bổ sung các nội dung chi: tuyên truyền, hội nghị, sơ kết, vận hành đường dây nóng, chi cho các nhiệm vụ phát sinh đột xuất.... và việc lập, phân bổ dự toán kinh phí đảm bảo TTATGT, trong đó quy định UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định sử dụng nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATGT và nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ để đảm bảo ATTTGT trên địa bàn.

c. Năm 2021, tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021 cho phép kéo dài thời gian thực hiện mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hà Nội từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông giai đoạn 2019-2020 và quy định một số nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố tại phụ lục số 3 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố cho đến hết năm 2021.

Trong những năm qua, việc quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hà Nội từ nguồn thu xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đã giúp các đơn vị tham gia phục vụ công tác đảm bảo TTATGT chủ động trong công tác, đồng thời các mức chi đặc thù HĐND Thành phố quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND đã động viên cán bộ, chiến sỹ, các lực lượng đảm bảo trật tự an toàn giao thông vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông trên địa bàn Thành phố. Hàng năm tình trạng ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông đều giảm bình quân 10% (cả về số vụ, số người chết và số người bị thương).

Để tiếp tục chủ động trong công tác đảm bảo TTATGT và động viên các lực lượng tham gia thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu ùn tắc và tai nạn giao thông trên địa bàn Thành phố; việc trình HĐND Thành phố tiếp tục ban hành quy định các nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông là cần thiết và đúng thẩm quyền.

10.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (TTATGT) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Các nội dung, mức chi khác phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018, Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21/5/2019 của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

b. Đối tượng áp dụng

- Ban An toàn giao thông Thành phố.
- Ban An toàn giao thông quận, huyện, thị xã.
- Công an Thành phố.
- Sở Giao thông vận tải (Thanh tra Sở Giao thông vận tải).
- Các lực lượng trực tiếp tham gia đảm bảo TTATGT.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

10.3. Đề xuất cụ thể

Quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác đảm bảo TTATGT của thành phố Hà Nội

(1) Các nội dung chi thuộc cấp Thành phố:

- Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn khi đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 2.000.000 đồng/người. Mức độ bị thương tai nạn do Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Chi hỗ trợ ban đầu cho gia đình cán bộ hy sinh đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 5.000.000 đồng/người.

- Chi hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác bảo đảm TTATGT của lực lượng công an và các lực lượng khác: 100.000 đồng/người/ca (01 ca từ đủ 04 giờ trở lên).

- Chi bồi dưỡng cán bộ Thanh tra giao thông trực tiếp tham gia bảo đảm TTATGT: 1.000.000 đồng/người/tháng. Số lượng, đối tượng tham gia trực tiếp do Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán phân công, tự chịu trách nhiệm.

- Chi bồi dưỡng cho thành viên của Ban An toàn giao thông Thành phố: 700.000 đồng/người/tháng.

- Chi bồi dưỡng cho tổ giúp việc của Ban An toàn giao thông Thành phố: 500.000 đồng/người/tháng.

- Chi bồi dưỡng cho cán bộ, lực lượng khác thuộc các tổ chức, đơn vị của Thành phố tham gia trực tiếp, phối hợp giữ gìn TTATGT: 50.000 đồng/người/ca.

(2) Các nội dung chi thuộc cấp quận, huyện, thị xã:

- Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn khi đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 2.000.000 đồng/người. Mức độ bị thương tai nạn do Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Chi hỗ trợ ban đầu cho gia đình cán bộ hy sinh đang làm nhiệm vụ đảm bảo TTATGT: 5.000.000 đồng/người.

- Chi bồi dưỡng cho thành viên của Ban An toàn giao thông Quận, huyện, thị xã: 600.000 đồng/người/tháng.

- Chi bồi dưỡng cho cán bộ, lực lượng khác thuộc các tổ chức, đơn vị tham gia trực tiếp, phối hợp giữ gìn TTATGT: 50.000 đồng/người/ca.

(3) Trong trường hợp mức phân bổ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hà Nội từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông, nội dung chi khác và các mức chi đặc thù cần phải bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn; để kịp thời tổ chức thực hiện, UBND Thành phố trình Thường trực HĐND Thành phố xem xét, thống nhất trước khi thực hiện và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất theo quy định.

10.4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách các cấp của Thành phố bố trí hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên của các đơn vị.

- Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hà Nội để thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

- Các khoản hỗ trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động đảm bảo TTATGT.

- Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2010/TTrLN:SGTVT-STC-CATP ngày 26/11/2021 của liên ngành: Sở Giao thông vận tải – Sở Tài chính – Công an Thành phố)

11. Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao do thành phố Hà Nội tổ chức

11.1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 30/12/2011, liên bộ: Tài chính và Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

Tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL có quy định: *“Khi giá cả thực tế tăng: Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định các mức chi cụ thể đối với các giải thi đấu thể thao do các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cụ thể đối với giải thi đấu thể thao do cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức hàng năm cho phù hợp nhưng không vượt quá 20% mức chi tối đa quy định tại Thông tư này và phải tự sắp xếp trong phạm vi nguồn kinh phí thường xuyên trong dự toán được giao đầu năm để thực hiện”*.

Từ năm 2012 đến nay, Thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức các giải thi đấu thể thao, Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao, trong đó chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao được áp dụng theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của liên bộ: Tài chính – Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tuy nhiên, hiện nay mức chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ đối với các giải thi đấu không còn phù hợp với tình hình thực tế do sự biến động giá cả thị trường và điều chỉnh mức lương cơ sở, mức lương tối thiểu vùng, cụ thể: mức lương cơ sở được thực hiện điều chỉnh 7 lần từ 830.000 đồng lên 1.490.000 đồng; mức lương tối thiểu vùng được thực hiện điều chỉnh 9 lần từ 2.000.000 đồng lên 4.420.000 đồng; chỉ số trượt giá qua các năm được nhà nước công bố.

Vì vậy, UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao do thành phố Hà Nội tổ chức là cần thiết và đúng thẩm quyền.

11.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao do thành phố Hà Nội tổ chức bao gồm:

- Đại hội thể dục thể thao;
- Giải thi đấu thể thao từng môn thể thao;
- Hội thi thể thao quần chúng;
- Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

Nghị quyết này không áp dụng cho các giải thi đấu bóng đá.

b. Đối tượng áp dụng

- Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao.
- Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;
- Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;
- Vận động viên, huấn luyện viên.
- Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

11.3. Đề xuất cụ thể

- Đối với nội dung tiền ăn trong quá trình tổ chức giải đối với các đối tượng là thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban; thành viên Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu: áp dụng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của liên bộ: Tài chính – Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đối với nội dung chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa đơn vị tổ chức giải với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

- Đối với nội dung chi khác (tiền tàu xe đi về, tiền thuê chỗ ở, in ấn, huy chương, cúp, trang phục, đạo cụ, khai mạc, bế mạc...): thực hiện theo quy định tại Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của liên bộ: Tài chính – Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đối với nội dung bồi dưỡng làm nhiệm vụ đối với các giải thi đấu:

Đề xuất tỷ lệ điều chỉnh tăng từ 11% đến 20% so với mức chi tối đa đối với các giải thi đấu cấp khu vực và tỉnh, thành phố trực thuộc TW quy định tại gạch đầu dòng thứ 2, tiết b, khoản 1, Điều 4, Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của liên bộ: Tài chính – Văn hóa, Thể thao và Du lịch (không vượt quá 20% theo quy định tại Thông tư).

11.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí:

- Nguồn thu bán vé xem thi đấu.
- Nguồn thu tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình.
- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp.
- Nguồn thu hợp pháp khác.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: tổng kinh phí thực hiện năm 2022 do ngân sách nhà nước cấp là: 23.000 triệu đồng, trong đó ngân sách thành phố là: 14.000 triệu đồng (tương ứng khoảng 50 giải thi đấu/năm) (tăng 1.200 triệu đồng so với năm 2021); ngân sách quận, huyện, thị xã: 9.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Tờ trình số 473/TTrLS:SVHTT-STC ngày 22/11/2021 của liên sở: Văn hóa thể thao - Tài chính)

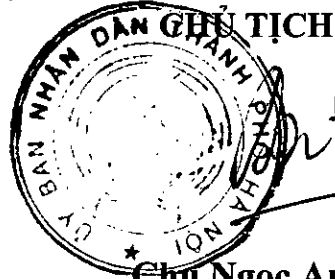
Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./. *AL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đồng chí PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVNTPHN;
- Các đơn vị: STC, SNV, SVHTT, SKHCN, SGDBT, CATP, BDT;
- VPUB: CVP, các PCVP, KGVX, KT, TH;
- Lưu: VT, KT. *AL*

6774-120

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Chu Ngọc Anh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 3**

(Từ ngày / /2021 đến ngày / /2021)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 05 tháng 12 năm 2007;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14

ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và Nghị định số 74/2018/BNĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Thực hiện Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”;

Căn cứ Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Liên Bộ: Tài chính - Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày ...tháng... năm 2021 của Ban Kinh tế và Ngân sách; Báo cáo giải trình, tiếp thu số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

(1) Chế độ hỗ trợ đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và công chức phường nghị công tác do thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội (Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo)

(2) Quy định mức hỗ trợ thường xuyên đối với các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

(3) Chính sách hỗ trợ hàng tháng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (*Chi tiết theo Phụ lục 03 kèm theo*).

(4) Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 quy định nội dung, mức chi đối với công tác tổ chức thi tuyển (xét tuyển) công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch (thăng hạng) công chức, viên chức của thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 04 kèm theo*).

(5) Quy định về mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 05 kèm theo*).

(6) Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố thực hiện đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới (*Chi tiết theo Phụ lục 06 kèm theo*).

(7) Quy định nội dung chi, mức chi chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 07 kèm theo*).

(8) Quy định nội dung, mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 08 kèm theo*).

(9) Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết theo Phụ lục 09 kèm theo*).

(10) Quy định nội dung chi, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông (*Chi tiết theo Phụ lục 10 kèm theo*).

(11) Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao do thành phố Hà Nội tổ chức (*Chi tiết theo Phụ lục 11 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và bãi bỏ Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn